

CÔNG TY CỔ PHẦN
BV LIFE
BV LIFE JOINT STOCK
COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Số/No. 04./2026/CBTT - BVLIFE

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026
Hanoi, January 30, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC & SỞ GDCK HÀ NỘI
PUBLICATION OF INFORMATION ON ELECTRONIC INFORMATION PORTAL OF
THE STATE SECURITIES COMMISSION & HANOI STOCK EXCHANGE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Dear: - State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange

I. Thông tin Công ty: Công ty Cổ phần BV LIFE

Company Information: BV Life Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/Stock code: VCM
- Mã số thuế/ Tax code: 0102234864
- Trụ sở chính: Tầng 5 tòa 25T1, Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Head office: 5th Floor, 25T1 Building, Tran Duy Hung Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.

- Điện thoại/Phone: 024.62511300 Website: www.bvlife.com.vn
- Người CBTT/Đại diện pháp luật: Ông Lưu Vũ Trường Đạm – Chủ tịch HĐQT
Information Disclosure Person/Legal Representative: Mr. Luu Vu Truong Dam – Chairman of the Board of Directors.

- Địa chỉ: Phường Phú Diễn, TP Hà Nội, Việt Nam
Address: Phu Dien Ward, Hanoi City, Vietnam.

- Điện thoại/Phone: 024.62511300
- Loại thông tin công bố/ Type of information published:
 24 giờ/ 24 hours Bất thường khác/Other irregularities
 Theo yêu cầu/On demand Định kỳ/ Periodically

II. Nội dung thông tin công bố/Information disclosure content:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần BV Life. (Chi tiết file đính kèm).

Disclosure of information on the consolidated financial statements for the fourth quarter of 2025 of BV Life Joint Stock Company. (Details are provided in the attached file).

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 30/01/2026 tại đường dẫn/This information was published on the company's website on: 30/01/2026 at the link:
<https://bvlife.com.vn/muc-quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-vi/>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the above-disclosed information is true and accurate, and we take full legal responsibility for the contents of this disclosure.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.HĐQT

Recipient:

As Dear;

Save BOD Assistant Office.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE PERSON**

CHỦ TỊCH HĐQT/Chairman



LƯU VŨ TRƯỜNG ĐẠM

Mr. Luu Vu Truong Dam



CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần BV Life thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFE

- Mã chứng khoán: VCM
- Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 024.62511300
- Email: info@bvlife.com.vn Website: www.bvlife.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Quý 4 năm 2025:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong Quý 4 năm 2025:

Nội dung giao dịch	Tỷ trọng (%)	Ngày hoàn thành giao dịch
Bán văn phòng cho thuê tầng 5 có địa chỉ tại nhà 25T1 Khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (nay là phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội). (Được ĐHĐCĐ thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) Giá trị giao dịch: 50.735.000.000 VNĐ	53,09% so với tổng tài sản 2024 (theo BCTC năm đã được kiểm toán)	23/09/2025
Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai, nội dung được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 23/2025/NQ/HĐQT/BVLIFE ngày 01/12/2025 (Chủ trương được thông qua theo Nghị quyết số 03/2024/NQ/ĐHĐCĐ-BVLIFE ngày 23/08/2024 tại ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần BV Life bất thường lần 2 năm 2024) Giá trị giao dịch: 122.585.400.000 VNĐ	130,23 % so với tổng tài sản 2024 (theo BCTC năm đã được kiểm toán)	29/12/2025



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/01/2026 dẫn: <https://bvlife.com.vn/muc-quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh-vi/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC hợp nhất Quý 4/2025

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lưu Vũ Trường Dam



CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFE

Địa chỉ: Tầng 5, nhà 25T1, đường Trần Duy Hưng, Yên Hòa, Hà Nội

Điện thoại: 024.62511300

Fax: 024.62511302

Website: www.bvlife.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025)

Hà Nội, tháng 01 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B 01 - DN/HN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.073.549.877	64.519.185.320
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110 V.1		17.326.549.648	2.028.260.488
1. Tiền	111		2.826.549.648	2.028.260.488
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120 V.2		26.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.588.228.511	47.962.774.040
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131 V.3		38.176.472.942	12.185.266.136
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132 V.4		16.550.763.925	3.233.998.371
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135 V.5		7.000.000.000	28.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136 V.6		14.701.769.290	6.009.488.628
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137 V.7		(3.840.777.646)	(1.965.979.095)
IV. Hàng tồn kho	140 V.8		45.591.692.113	10.952.098.200
1. Hàng tồn kho	141		45.591.692.113	10.952.098.200
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		567.079.605	3.576.052.592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151 V.9		505.793.341	216.298.088
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.255.092	3.359.754.504
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153 V.15		41.031.172	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.139.889.650	29.607.146.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.447.200.000	550.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216 V.6		1.774.200.000	550.000.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219 V.7		(327.000.000)	-
II. Tài sản cố định	220		40.441.112.855	147.211.131
1. Tài sản cố định hữu hình	221 V.10		40.441.112.855	147.211.131
- Nguyên giá	222		90.775.926.361	17.430.652.980
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(50.334.813.506)	(17.283.441.849)
III. Bất động sản đầu tư	230 V.11		55.081.377.386	28.873.401.158
- Nguyên giá	231		82.697.479.826	56.689.993.386
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(27.616.102.440)	(27.816.592.228)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250 V.2		600.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		946.275.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(346.275.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		27.570.199.409	36.534.651
1. Chi phí trả trước dài hạn	261 V.9		10.877.167.105	36.534.651
2. Lợi thế thương mại	269 V.12		16.693.032.304	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		287.213.439.527	94.126.332.260



CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B 01 - DN/HN**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		50.697.530.571	22.681.023.459
I. Nợ ngắn hạn	310		26.942.964.883	21.807.751.659
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311 V.13		10.431.526.491	8.581.080.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312 V.14		1.718.398.450	7.486.448.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 V.15		5.195.846.657	182.742.148
4. Phải trả người lao động	314		3.222.626.812	668.970.204
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315 V.16		105.673.449	64.366.799
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 V.17		533.263.818	324.135.689
7. Phải trả ngắn hạn khác	319 V.18		1.163.651.445	291.258.398
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320 V.19		-	1.457.881.147
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.571.977.761	2.750.868.849
II. Nợ dài hạn	330		23.754.565.688	873.271.800
1. Phải trả dài hạn khác	337 V.18		12.486.912.137	873.271.800
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341 V.21.		9.808.684.081	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342 V.20		1.458.969.470	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.515.908.956	71.445.308.801
I. Vốn chủ sở hữu	410 V.22		236.515.908.956	71.445.308.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(322.839.049)	(63.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.900.000.000	5.900.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.588.787.708	5.608.808.801
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.261.876.004	2.050.523.705
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.326.911.704	3.558.285.096
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		74.349.960.297	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		287.213.439.527	94.126.332.260

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thuý Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thuý Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Lưu Vũ Trường Đạm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm 2025	Quý IV năm 2024	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV năm 2025	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	31.978.684.557		178.272.991.331	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				971.224	
- Chiết khấu bán hàng	02a				971.224	
2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.2	31.978.684.557		178.272.020.107	
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	31.468.438.888		132.228.873.622	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		510.245.669		46.043.146.485	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	790.373.536		2.032.763.932	
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.536.806		304.132.429	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.278.602		251.159.425	
7. Chi phí bán hàng	25	VI.6	425.942.244		2.081.258.934	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.650.484.542		6.809.699.793	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(2.784.344.387)		38.880.819.261	
10. Thu nhập khác	31	VI.7	276.743.268		608.943.273	
11. Chi phí khác	32	VI.8	116.516.664		205.838.295	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		160.226.604		403.104.978	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(2.624.117.783)		39.283.924.239	
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	(506.611.101)		7.957.012.535	
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(2.117.506.682)		31.326.911.704	
15.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		(2.117.506.682)		31.326.911.704	
15.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-		-	
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(176)		2.611	
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(176)		2.611	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thùy Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

B 03 - DN/HN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp gián tiếp)****Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	39.283.924.239	
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.483.849.578	
- Các khoản dự phòng	03	1.874.798.551	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(149.100.941.516)	
- Chi phí lãi vay	06	251.159.425	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(105.207.209.723)	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	6.941.308.274	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.696.646.299	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.716.109.453)	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.311.577.438)	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(251.690.384)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.259.101.428)	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(32.250.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(114.139.983.853)	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.470.192.285)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	50.735.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.500.000.000	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	(6.609.314.506)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	71.155.493.209	

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN/HN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	59.740.660.951	
2. Tiền thu từ đi vay	33	18.590.393.403	
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(20.048.274.550)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	58.282.779.804	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.298.289.160	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.028.260.488	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi NT	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	17.326.549.648	

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thuý Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuý Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2026

Chủ tịch HĐQT



Lưu Vũ Trường Đạm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BV Life.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Số 0102234864 cấp lần đầu ngày 03/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/12/2025 do; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 120.000.000.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 12.000.000 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Cung cấp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Tổ chức đào tạo nghề, ngoại ngữ;
- Kinh doanh và lắp đặt vật tư, thiết bị điện;
- Cho thuê mặt bằng thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Tổ chức đào tạo nghề: Mộc, nề, hàn, sắt, cơ khí - kết cấu thép, điện, nhôm, kính, vận hành máy, may công nghiệp, thiết kế thời trang, giúp việc gia đình, hộ lý, công nhân cầu, hầm, công nhân khai thác mỏ, đóng tàu (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ phép);
- Đào tạo ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Đài Loan, tiếng Trung (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hoá, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm (trừ lâm sản Nhà nước cấm), thủy sản, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải xe gắn máy;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, giao thông vận tải, dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu, làm đại lý tiêu thụ các mặt hàng sản xuất và tiêu dùng cho các hãng trong và ngoài nước;
- Cho thuê mặt bằng thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2025, địa điểm kinh doanh của công ty đặt tại tầng 4, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

5.1. Tổng số các công ty con (01 Công ty)

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: Không

5.2. Danh sách các công con được hợp nhất

STT	Tên công ty con	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	58,75%	58,75%	Số 197, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trần Biên, Tỉnh Đồng Nai	Kinh doanh thương mại (Đại lý của Honda) và dịch vụ (cho thuê tài sản, cho thuê kiot tại các chợ Trung tâm của tỉnh Đồng Nai,...).

Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên công ty liên kết	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông	24,00%	15,66%	01A, Xa lộ Hà Nội, phường Tân Biên, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ ăn uống, chế biến sản phẩm phục vụ bữa ăn người lao động; kinh doanh thực phẩm các loại qua chế biến, giết mổ và kinh doanh thực phẩm tươi sống

2	Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương	34,76%	22,68%	Số 71 Hà Huy Giáp, KP 3, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Trung tâm ngoại ngữ, tin học. Trước đây, cơ sở này là đơn vị trực thuộc của Công ty, hiện nay Công ty này không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.
---	---------------------------------	--------	--------	--	---

Công ty liên kết sử dụng phương pháp giá gốc do việc sử dụng phương pháp vốn chủ không còn phù hợp vì công ty liên kết hoạt động theo các quy định hạn chế khắt khe dài hạn gây ra những cản trở đáng kể trong việc chuyển giao vốn cho nhà đầu tư.

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 120 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2025, có 24 cán bộ nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, cụ thể:

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

6. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư**Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	03-10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BĐSDT cho thuê hoạt động được trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của BĐSĐT.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
 - Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.
- Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi và được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà Công ty được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh cao hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi đời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

22. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con mà Công ty mẹ giữ quyền kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán đã được kiểm toán.

Khi hợp nhất Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sẽ được hợp nhất theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, thu nhập khác và chi phí.

Số dư các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán của các giao dịch trong nội bộ được loại trừ. Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng Công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con phải được loại trừ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con bị hợp nhất được xác định và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu để phản ánh giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các Công ty con.

Các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Công ty, bao gồm các khoản doanh thu, các khoản chi phí, cổ tức được loại trừ. Các khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ nằm trong giá trị còn lại của tài sản, như hàng tồn kho và tài sản cố định cũng được loại trừ. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được khấu trừ khi xác định giá trị ghi sổ của tài sản cũng được loại bỏ.

23. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**23.1. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

23.2. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

23.3. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	19.164.717	1.936.557
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.807.384.931	2.026.323.931
Các khoản trong đường tiền (*)	14.500.000.000	-
	17.326.549.648	2.028.260.488
(*) Bao gồm:		
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sơn Tây	7.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Biên Hòa	7.000.000.000	-
	14.500.000.000	-

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Biên Hòa	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Công ty Tài chính tổng hợp CP Điện Lực	23.000.000.000	23.000.000.000	-	-

(i) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kì hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Biên Hòa và Công ty Tài chính tổng hợp cổ phần Điện lực, lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,5%/năm.

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông (i)	600.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương (ii)	346.275.000	346.275.000	-	-
	946.275.000	346.275.000	-	-

(i) Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai vào Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông, khoản đầu tư này chiếm 24% vốn góp của Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông. Hoạt động chính của Công ty TNHH Thực phẩm Rạng Đông là cung cấp dịch vụ ăn uống, chế biến sản phẩm phục vụ bữa ăn người lao động; kinh doanh thực phẩm các loại qua chế biến, giết mổ và kinh doanh thực phẩm tươi sống.

(ii) Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai vào Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương, khoản đầu tư này chiếm 34,76% vốn góp của Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương. Hoạt động chính của Công ty TNHH Anh Nhật Ánh Dương là trung tâm ngoại ngữ, tin học. Trước đây, cơ sở này là đơn vị trực thuộc của Công ty, hiện nay Công ty này không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Các bên khác	38.176.472.942	12.185.266.136
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	6.466.590.723	1.330.827.291
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tiến Hưng	1.325.520.000	1.825.520.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng VINA2	3.327.025.700	3.427.025.700
Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng Udic - Công ty TNHH MTV	583.784.120	1.127.984.669
Công ty TNHH điện tử Ánh Sao	2.268.787.606	
Tổng công ty xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	3.127.918.290	1.573.824.208
Công ty cổ phần BV Land	2.169.754.146	
Công ty cổ phần Hawee cơ điện	1.584.502.338	
Các khách hàng khác	11.758.670.382	2.900.084.268
	38.176.472.942	12.185.266.136

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Các bên khác	16.550.763.925	3.233.998.371
Công ty cổ phần cơ điện HAECO		937.165.464
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thế Vinh	2.887.939	1.767.903.900
Công ty cổ phần vật tư công nghiệp Bambo	165.647.383	165.647.383
Công ty Honda Việt Nam	5.185.457.966	
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Xuất nhập khẩu Vũ Lê	10.071.795.000	-
Các khách hàng khác	1.124.975.637	363.281.624
	16.550.763.925	3.233.998.371

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Các bên khác	7.000.000.000	-	28.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú				
Thọ Property			13.000.000.000	
Đỗ Xuân Huyền	-	-	15.500.000.000	-
Công ty CP TG Capital (i)	7.000.000.000	-		-
	7.000.000.000	-	28.500.000.000	-

(i) Hợp đồng vay vốn số 2912/HĐ-DONATRACO ngày 29/12/2025 ký giữa Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Đồng Nai và Công ty Cổ phần TG Capital. Số tiền cho vay: 7.000.000.000 đồng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất: 7,4%/năm. Thời hạn trả lãi: cuối kỳ.

6. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.1. Ngắn hạn				
Các bên khác	14.701.769.290	-	5.580.988.628	-
Tạm ứng cho nhân viên	190.884.078	-	122.210.492	-
Ký cược, ký quỹ	13.552.581.987	-	4.913.030.662	-
Phải thu khác			514.625.294	-
- Lãi dự thu	524.273.972	-	389.698.631	-
- Khác	411.373.223	-	124.926.663	-
BHXH phải thu	22.656.030	-	22.955.806	-
BHTN phải thu		-	8.166.374	-
Phải thu khác		-		-
Bên liên quan	-	-	428.500.000	-
Công ty cổ phần BV invest		-	428.500.000	-
	14.701.769.290	-	6.009.488.628	-
6.2. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.774.200.000		550.000.000	
	1.774.200.000	-	550.000.000	-

7. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
-Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vina2	3.327.025.700	842.125.174	1.025.879.700	126.868.000
-Xí nghiệp xây dựng số 3-tổng công ty Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC-Cty TNHH MTV	73.000.000		91.821.240	91.821.240
-Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC-Công ty TNHH MTV	583.784.120		1.127.984.669	97.350.274
-Công ty CP Đầu tư và Thương mại Tiến Hưng	1.325.520.000	662.760.000		
-Công ty CP Phát triển trí tuệ nhân tạo Rhodium	11.800.000		11.800.000	
-Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Quang Anh	24.533.000		24.533.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

- Công ty TNHH Truyền thông Sắc Việt	327.000.000			
	5.672.662.820	1.504.885.174	2.282.018.609	316.039.514
8. Hàng tồn kho				
	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	154.863.154	-	10.773.303.614	-
Hàng hóa (ii)	45.436.828.959	-	-	-
	45.591.692.113	-	10.952.098.200	-
(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:			31/12/2025	01/01/2025
- Dự án Xây dựng cung thiếu nhi Hà Nội				1.983.430.301
- Dự án Hoa Tiên- Hồng Lam Xuân Thành				2.914.491.149
- Dự án 90 đường Láng			154.863.154	5.742.145.405
- Dự án khác				
			154.863.154	10.773.303.614
(ii) Giá trị xe máy, phụ tùng sửa chữa tại Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai.				
9. Chi phí trả trước			31/12/2025	01/01/2025
9.1. Ngắn hạn				
Công cụ dụng cụ và các khoản khác			505.793.341	216.298.088
			505.793.341	216.298.088
9.2. Dài hạn				
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, sửa chữa			1.515.452.005	36.534.651
Giá trị quyền thuê đất (i)			9.361.715.100	
Chi phí trả trước khác				
			10.877.167.105	36.534.651
(i) Giá trị quyền thuê đất trả tiền hàng năm (đánh giá theo giá trị hợp lý).				
10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình				
Phụ lục số 01				
11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư				
Bất động sản đầu tư cho thuê				

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	
	trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2025	56.689.993.386	56.689.993.386
Tăng do HN	45.919.724.644	45.919.724.644
Giảm	(19.912.238.204)	(19.912.238.204)
Số dư 31/12/2025	82.697.479.826	82.697.479.826
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2025	27.816.592.228	27.816.592.228
Khấu hao trong kỳ	1.443.041.409	1.443.041.409
Tăng do HN	10.673.616.521	10.673.616.521
Giảm	(12.317.147.718)	(12.317.147.718)
Số dư 31/12/2025	- 27.616.102.440	27.616.102.440
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	- 28.873.401.158	28.873.401.158
Tại ngày 31/12/2025	- 55.081.377.386	55.081.377.386
12. Lợi thế thương mại	31/12/2025	01/01/2025
- Số dư đầu kỳ	-	-
- Tăng trong kỳ do hợp nhất	16.693.032.304	-
- Phân bổ trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	16.693.032.304	-
13. Phải trả người bán		
	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Các bên khác	8.665.900.320	7.304.219.117
Weichai Singapore Pte Ltd		2.943.475.200
Công ty cổ phần điện nước và PCCC VINA2	3.101.483.321	1.591.101.204
Công ty cổ phần Viwapico		2.011.841.623
Công ty cổ phần nhựa Châu Âu Xanh	960.400.347	-
Công ty cổ phần cơ điện kỹ thuật Đông Dương	1.252.800.000	
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thế Vinh	488.024.690	436.404.770
Công ty Cổ phần Vinagenset	391.599.600	48.526.320
Công ty cổ phần IOV	272.870.000	272.870.000
Công ty Honda Việt Nam	2.198.722.362	
Khách hàng khác	1.546.614.915	1.276.860.908
Bên liên quan	219.011.256	-
Công ty cổ phần chè Mỹ Lâm	219.011.256	
	10.431.526.491	8.581.080.025
14. Người mua trả tiền trước	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Các bên khác	1.718.398.450	7.486.448.400
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 319.2		11.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Công ty cổ phần thương mại quảng cáo xây dựng địa ốc Việt hân		5.429.480.400
Công ty TNHH điện tử Ánh Sao		2.015.968.000
Công ty TNHH LICOG		30.000.000
Công ty TNHH XNK ô tô xe máy Mai Duyên	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Phúc Lộc Motor	230.000.000	
Các khách hàng khác	488.398.450	
Bên liên quan		
	1.718.398.450	7.486.448.400

15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước**15.1. Phải nộp**

	31/12/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2025
Thuế GTGT phải nộp	114.618.813	21.832.390.674	21.717.771.861	-
Thuế thu nhập DN	5.008.777.607	12.154.285.124	7.259.101.428	113.593.911
Thuế thu nhập cá nhân	72.450.237	365.733.666	362.431.666	69.148.237
Thuế nhà đất, tiền thuế đất		1.479.959.682	1.479.959.682	
Các loại thuế khác	-	20.000.000	20.000.000	-
	5.195.846.657	35.852.369.146	30.839.264.637	182.742.148

(i) Chi tiết số thuế TNDN phải nộp:

+ Chi phí thuế TNDN phát sinh trong kỳ tương ứng với kết quả kinh doanh: 5.008.777.607

15.2. Phải thu

	31/12/2025	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu/bù trừ phải nộp trong kỳ	01/01/2025
Thuế GTGT phải nộp			-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	41.031.172	41.031.172		
Phí, lệ phí và các khoản phải r	-	-	-	-
	41.031.172	41.031.172	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay		530.959
Chi phí khác	105.673.449	63.835.840
	105.673.449	64.366.799

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước hoạt động xuất khẩu lao động		324.135.689
- Cho thuê nhà, mặt bằng	533.263.818	-
	533.263.818	324.135.689

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025**18. Phải trả khác**

	31/12/2025	01/01/2025
18.1. Ngắn hạn		
Các bên khác		
Kinh phí công đoàn	298.600.010	136.197.780
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	-	13.466.150
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Phải trả khác	865.051.435	141.594.468
	1.163.651.445	291.258.398
18.2. Dài hạn		
Các bên khác	12.486.912.137	873.271.800
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.876.871.800	873.271.800
Các khoản phải trả, phải nộp khác (hợp tác kinh doanh):	7.610.040.337	-
+ Đỗ Hoàng Minh Thành (i)	7.610.040.337	-
	12.486.912.137	873.271.800

(i) Hợp đồng liên kết góp vốn kinh doanh số 01/LKKD-HĐ 02 ngày 05/09/2002, theo đó Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai các bên sẽ góp vốn đầu tư và kinh doanh cửa hàng Head Long Khánh, kết quả phân chia từ lợi nhuận sau thuế của Head Long Khánh 2 cho các bên tham gia (Công ty - Ông Nhãn - Ông Thành) theo tỉ lệ 50:25:25. Ngày 29/03/2022, Ông Nhãn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của mình cho Công ty, theo đó tỉ lệ phân chia lợi nhuận giữa Công ty và ông Thành là 75:25.

19. Vay và nợ thuê tài chính**Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			
	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
Ngân hàng	-	18.590.393.403	20.048.274.550	1.457.881.147
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sơn Tây (i)		18.590.393.403	20.048.274.550	1.457.881.147
	-	18.590.393.403	20.048.274.550	1.457.881.147

Thông tin liên quan đến các khoản vay ngắn hạn tại 01/01/2025

(i) Hợp đồng cấp tín dụng số 234780.24.827.883883.TD giữa Ngân hàng TMCP Quân đội và Công ty CP BV Life kí ngày 19/08/2024

- Hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán, hạn mức L/C: 35.000.000.000 VNĐ; Hạn mức tín dụng khác (trừ bảo lãnh thanh toán): 30.000.000.000 VNĐ; Giá trị hạn mức cho vay tối đa: 15.000.000.000 VNĐ; Giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư (các) Khoản tín dụng theo Hợp đồng cấp tín dụng số 197129.24.827.883883 ngày 21/03/2024.

- Mục đích cấp tín dụng: phục vụ hoạt động kinh doanh cung cấp lắp đặt máy móc thiết bị và vật tư của khách hàng.

- Thời hạn duy trì HMTD: kể từ ngày kí kết đến ngày 02/08/2025. Số tiền, lãi suất và thời hạn cho vay chi tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ.

- Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng thế chấp số 234780.24.827.883883.BD

+ Toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành từ phương án được MB cấp tín dụng luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Bên thế chấp.

+ Quyền đòi nợ đã, đang và sẽ hình thành từ phương án được MB cấp tín dụng.

+ Toàn bộ số tiền/số dư và lãi phát sinh trên TK số 3332288888 mở tại MB của Bên thế chấp.

20. Dự phòng phải trả				
			31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn				
Dự phòng tiền thuê đất tại Donatraco			1.458.969.470	
			1.458.969.470	-
21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
			31/12/2025	01/01/2025
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại			20%	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ			9.808.684.081	-
			9.808.684.081	-
22. Vốn chủ sở hữu				
22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
Phụ lục số 02				
22.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu				
	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Đỗ Tuấn Anh			13,33	8.000.000.000
Trịnh Kiều Trang			15,20	9.118.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Bá	14,02	16.824.000.000		
Nguyễn Thanh Hương	11,10	13.319.000.000		
Nguyễn Thị Hà Giang	10,00	12.001.400.000		
Bùi Mạnh Hùng	14,28	17.138.000.000		
Trần Quang Vũ	13,51	16.210.000.000		
Cổ đông khác	37,09	44.507.600.000	71,47	42.882.000.000
	100,00	120.000.000.000	100,00	60.000.000.000
22.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
Vốn góp đầu kỳ			60.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ			60.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ			120.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			-	-
22.4. Cổ phiếu			31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			12.000.000	6.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
22.5. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2025	01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển	5.900.000.000	5.900.000.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động và đào tạo	355.848.647	
Doanh thu bán hàng hoá và lắp đặt máy móc thiết bị	126.008.902.956	
Doanh thu cho thuê	5.665.998.805	
Doanh thu khác	60.468.851	
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	46.181.772.072	
	178.272.991.331	

2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động và đào tạo	355.848.647	
Doanh thu bán hàng hoá và lắp đặt máy móc thiết bị	126.008.902.956	
Doanh thu cho thuê	5.665.998.805	
Doanh thu khác	59.497.627	
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	46.181.772.072	
	178.272.020.107	

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Giá vốn cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động và đào tạo	711.042.479	
Giá vốn bán hàng hoá và lắp đặt máy móc thiết bị	122.060.170.849	
Giá vốn cho thuê	1.834.826.571	
Giá vốn khác	27.799.453	
Giá vốn kinh doanh bất động sản	7.595.034.270	
	132.228.873.622	

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.030.236.819	
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.527.113	
	2.032.763.932	
5. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lãi tiền vay	251.159.425	
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	52.973.004	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại		
Dự phòng tổn thất đầu tư		
Chi phí tài chính khác		
	304.132.429	
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.507.653.558	
Chi phí khác bằng tiền	573.605.376	
	2.081.258.934	
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.482.066.645	
Chi phí vật liệu	-	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.263.634	
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	3.471.548	
Chi phí dự phòng	1.878.184.880	
Chi phí bằng tiền khác	349.307.855	
	6.809.699.793	
7. Thu nhập khác	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Thu		
Tiền phạt thu được	330.000.000	
Xử lý công nợ phải trả nhưng không phải trả		
Thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản		
Các khoản khác	278.943.273	
	608.943.273	

8. Chi phí khác	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	73.194.438	
Các khoản bị phạt	16.127.193	
Các khoản khác	116.516.664	
	205.838.295	
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Công ty Cổ phần BV Life	7.957.012.535	
	7.957.012.535	
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	31.326.911.704	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.326.911.704	
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	
	2.611	
11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Lợi nhuận thuần sau thuế	31.326.911.704	
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	31.326.911.704	
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.611	

VII. Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần dịch vụ Lychee

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại dịch vụ Đồng nai

Công ty Cổ phần Chè Mỹ Lâm

Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vina-Mec Hr

Công ty cổ phần Tập đoàn Bách Việt

Mối quan hệ

Cùng thành viên HĐQT

Cùng thành viên HĐQT

Cùng thành viên Ban giám đốc

Cùng thành viên Ban giám đốc

Cùng thành viên Quản lý chủ chốt

3.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau

Nội dung/ Bên liên quan	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Công ty cổ phần chè Mỹ Lâm Mua hàng hóa dịch vụ	219.011.256	

3.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

3.4. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau

Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024
Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	2.032.833.000	
	2.032.833.000	

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 được mang từ báo cáo riêng của công ty và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thuý Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thuý Hương

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2026
Chủ tịch HĐQT

 Lưu Vũ Trường Đạm

Phụ lục số 01
10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2025	11.951.465.189	954.532.727	4.314.518.700	158.136.364	52.000.000	17.430.652.980
Tăng trong kỳ	56.198.785.385	13.375.035.784	3.488.491.969	388.360.243	-	73.450.673.381
Mua trong kỳ	-	-	-	37.581.818	-	37.581.818
Tăng do hợp nhất	56.198.785.385	13.375.035.784	3.488.491.969	350.778.425	-	73.413.091.563
Giảm trong kỳ	-	(105.400.000)	-	-	-	(105.400.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	(105.400.000)	-	-	-	(105.400.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2025	68.150.250.574	14.224.168.511	7.803.010.669	546.496.607	52.000.000	90.775.926.361
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2025	11.951.465.166	854.988.286	4.314.518.700	158.136.364	4.333.333	17.283.441.849
Tăng trong kỳ	19.776.803.831	11.041.096.027	1.934.715.279	313.628.755	17.333.327	33.083.577.219
Khấu hao trong kỳ	23	26.350.003	-	11.483.330	17.333.327	55.166.683
Tăng do hợp nhất	19.776.803.808	11.014.746.024	1.934.715.279	302.145.425	-	33.028.410.536
Giảm trong kỳ	-	(32.205.562)	-	-	-	(32.205.562)
Thanh lý, nhượng bán	-	(32.205.562)	-	-	-	(32.205.562)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2025	31.728.268.997	11.863.878.751	6.249.233.979	471.765.119	21.666.660	50.334.813.506
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	23	99.544.441	-	-	47.666.667	147.211.131
Tại ngày 31/12/2025	36.421.981.577	2.360.289.760	1.553.776.690	74.731.488	30.333.340	40.441.112.855

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

17.273.252.980

CÔNG TY CỔ PHẦN BV LIFETầng 5 tòa nhà 25T1 đường Trần Duy Hưng,
phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025**Phụ lục số 02****22. Vốn chủ sở hữu****22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST thuế chưa PP	Lợi ích CĐ không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2024	30.000.000.000		8.900.000.000	29.134.305.861		68.034.305.861
Tăng trong kỳ	30.000.000.000		-	3.558.285.096		33.558.285.096
Tăng vốn	30.000.000.000		-	-		30.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	3.558.285.096		3.558.285.096
Tăng do hợp nhất						-
Giảm trong kỳ	-	(63.500.000)	(3.000.000.000)	(27.083.782.156)		(30.147.282.156)
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-		-
<i>Phân phối các quỹ</i>	-	-	-	(83.782.156)		(83.782.156)
<i>Giảm khác</i>	-	(63.500.000)	(3.000.000.000)	(27.000.000.000)		(30.063.500.000)
Số dư 31/12/2024	60.000.000.000	(63.500.000)	5.900.000.000	5.608.808.801		71.445.308.801
Số dư 01/01/2025	60.000.000.000	(63.500.000)	5.900.000.000	5.608.808.801	-	71.445.308.801
Tăng trong kỳ (ii)	60.000.000.000	-	-	31.326.911.704	74.349.960.297	165.676.872.001
Tăng vốn	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	31.326.911.704	0	31.326.911.704
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	74.349.960.297	74.349.960.297
Giảm trong kỳ	-	(259.339.049)	-	(346.932.797)		(606.271.846)
<i>Phân phối các quỹ (i)</i>	-	-	-	(346.932.797)		(346.932.797)
<i>Giảm khác</i>	-	(259.339.049)	-	-		(259.339.049)
Số dư 31/12/2025	120.000.000.000	(322.839.049)	5.900.000.000	36.588.787.708	74.349.960.297	236.515.908.956

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ/ĐHĐCĐ-BVLIFE ngày 24/04/2025

(ii) Tăng vốn trong kỳ: 60.000.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt tăng vốn công ty dùng để mua cổ phần Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại dịch vụ Đồng Nai



